

# Chủ nghĩa tự nhiên trong tiểu thuyết Việt Nam và Hàn Quốc giai đoạn đầu thế kỉ XX (Qua tác phẩm “Làm đĩ” của Vũ Trọng Phụng và “Gamja” của Kim Dong In)

Nguyễn Lê Thu\*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN  
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 02 tháng 6 năm 2014  
Chỉnh sửa ngày 22 tháng 11 năm 2014; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 12 năm 2014

**Tóm tắt:** Quá trình hiện đại hóa của hai nền văn học Việt Nam và Hàn Quốc diễn ra trong hoàn cảnh thuộc địa với nhiệm vụ thiết yếu là sáng tạo để bảo vệ, giữ gìn bản sắc dân tộc và giải phóng dân tộc. Trong quá trình ấy, sự tiếp nhận ảnh hưởng của chủ nghĩa tự nhiên nói riêng và văn học phương Tây nói chung đều xảy ra ở mỗi nước theo những cách khác nhau, một bên là trực tiếp (trường hợp Việt Nam) và một bên là khúc xạ qua lăng kính Nhật Bản (trường hợp Hàn Quốc). Bài viết đặt vấn đề tìm hiểu ảnh hưởng của trào lưu văn học chủ nghĩa tự nhiên trong tác phẩm của hai nhà văn thuộc địa Hàn Quốc và Việt Nam là Kim Dong In và Vũ Trọng Phụng. Bài viết cũng chỉ ra sự vận dụng một cách sáng tạo chủ nghĩa tự nhiên phương Tây ở hai nhà văn thuộc địa này.

**Từ khóa:** Chủ nghĩa tự nhiên, văn học cận đại, tiểu thuyết đầu thế kỉ XX, Vũ Trọng Phụng, Kim Dong In.

## 1. Mở đầu

Trong lịch sử văn học thế giới, chủ nghĩa tự nhiên là trào lưu nghệ thuật xuất hiện và phát triển mạnh mẽ ở châu Âu, chủ yếu là Pháp, Đức, một số nước Bắc Âu, Mỹ vào những năm cuối thế kỉ 19. Chủ nghĩa tự nhiên chủ trương tái hiện một cách “trung thành với tự nhiên” một mảng hiện thực nào đó, chú trọng đến tính quy luật của môi trường tự nhiên, hoàn cảnh vật chất, quy luật tâm sinh lí, bệnh lí của con người.

Cùng với ảnh hưởng của làn sóng văn hóa phương Tây đến phương Đông, chủ nghĩa tự nhiên đã tìm đến châu Á và để lại dấu ấn sâu sắc trong văn học một số nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Việt Nam. Việc xem xét ảnh hưởng của chủ nghĩa tự nhiên trong tiểu thuyết Việt Nam và Hàn Quốc những năm đầu thế kỉ XX là một nét mới trong nghiên cứu văn học so sánh hai nước. Vũ Trọng Phụng (1912-1939) và Kim Dong In (1900-1951) là hai nhà văn tiêu biểu cho trào lưu văn học này ở Việt Nam và Hàn Quốc. Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chọn đối tượng khảo sát là hai tác phẩm được coi là điển hình ghi dấu ảnh hưởng

\*ĐT.: 84-904895636  
Email: kaul1907@gmail.com

của chủ nghĩa tự nhiên trong tác phẩm của hai nhà văn, đó là “Gamja (Khoai tây)” và “Làm đĩ”.

## 2. Vài nét về chủ nghĩa tự nhiên

Chủ nghĩa tự nhiên có cơ sở triết học là chủ nghĩa thực chứng của A. Comte (1798-1857), cơ sở mỹ học là lý thuyết của H.Taine (1828-1893). Emile Zola (1840-1902) là người có công phổ biến lý thuyết chủ nghĩa tự nhiên bằng sự nghiệp sáng tác đồ sộ của mình. Trước Emile Zola đã có những nhà văn được xem là tiền bối của chủ nghĩa tự nhiên như Champfleury (1821-1889), L.Duranty (1883-1880), Flaubert (1821-1880), hai anh em E. và J. de Goncourt (1822-1896 và 1830-1970) [1]. Song phải đến Emile Zola, chủ nghĩa tự nhiên mới được nâng lên như một lý luận văn học hoàn chỉnh trong các tập sách “Tiểu thuyết thực nghiệm” (Le Roman expérimental), “Các tiểu thuyết gia tự nhiên chủ nghĩa” (Les romanciers naturalistes) và được ông áp dụng triệt để trong các sáng tác của mình.

E. Zola đã xây dựng lý luận chủ nghĩa tự nhiên trong văn học với niềm tin vào những phát minh khoa học. Nền tảng của tinh thần khoa học ấy chính là sự quan sát và thực nghiệm. Giống như bác sỹ hay những nhà sinh học, nhà văn chủ nghĩa tự nhiên cũng thu thập tài liệu, quan sát và thử nghiệm để tạo ra tác phẩm. Mục tiêu của các nhà văn tự nhiên chủ nghĩa là đi tìm chân tướng của sự việc, bản chất của sự việc, tức là đi tìm sự thật ẩn giấu bằng cách chú trọng đến tính quy luật của môi trường tự nhiên, hoàn cảnh vật chất, quy luật tâm sinh lý, bệnh lý. Các nhà văn tự nhiên chủ nghĩa không quan tâm đến việc thể hiện đạo đức, họ miêu tả thực tại bằng con mắt lãnh đạm khoa học. Theo họ, văn học cũng như khoa học,

không có quyền lựa chọn tài liệu, đối với nhà văn không có những cốt truyện bất lợi, không có những đề tài bất cập, do vậy, đề tài văn học của chủ nghĩa tự nhiên thường có sự mở rộng đến cả những hiện tượng “tâm thường” của đời sống. Chính bởi vậy, tác phẩm văn học của chủ nghĩa tự nhiên đã nhanh chóng chiếm lĩnh đề tài mới, đi vào mọi ngõ ngách của đời sống thực tại, tìm hiểu tác động qua lại của cá nhân và đám đông, vai trò của tiềm thức trong tâm lý con người, chống lại thứ chủ nghĩa lạc quan chính thống giả dối, chống lại tư tưởng và đạo lý tiểu thị dân, biểu lộ tinh thần dân chủ rộng rãi và xu hướng phê phán, tố cáo. Tuy nhiên, chính vì tác phẩm của văn học chủ nghĩa tự nhiên là kết quả của quá trình thực nghiệm bởi con mắt lãnh đạm và khoa học của người nghệ sĩ nên nó đã không tránh khỏi tính phi cốt truyện bởi xu hướng viết “theo mệnh lệnh của đời sống” và thái độ vô can về mặt xã hội xuất phát từ thái độ lãnh đạm của người nghệ sĩ [1]. Chủ nghĩa tự nhiên ra đời là một sự tiếp nối và phát triển hơn nữa chủ nghĩa hiện thực, chủ trương “thể hiện hiện thực mang tính khách quan”. Cụ thể, chủ nghĩa tự nhiên thiên về sự miêu tả bằng con mắt khách quan, chính xác và lãnh đạm đối với thực tại, đặc biệt là tính cách của con người, cái vốn bị quy định bởi bản chất sinh lý học và bởi môi trường xung quanh. Chủ nghĩa tự nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của triết học thực chứng và thuyết tiến hóa luận, coi tự nhiên không có liên quan đến thần linh mà là vật chất được tạo bởi sự kết hợp ngẫu nhiên của các nguyên tố, và con người thuộc về tự nhiên không phải là tồn tại có linh hồn mà là cơ thể sinh lý chịu sự chi phối của hoàn cảnh. Có thể nói những đặc điểm nổi bật của văn học chủ nghĩa tự nhiên là bầu không khí bi quan, nhân vật chính mang tính “thú vật-con người”(tức là

nhân vật biểu hiện sự xung đột sâu sắc bởi lòng tham hay dục vọng v.v.), hay nhân vật thường là vật hy sinh bởi xung đột nội tâm hay áp lực của hoàn cảnh bên ngoài, hay sự lặp đi lặp lại của bi kịch v.v. Nói cách khác, nhân vật của chủ nghĩa tự nhiên hầu như không có linh hồn hay lý trí bình thường mà tất cả cảm xúc, hành vi của nhân vật đều tuân theo sự chi phối của tâm sinh lý, đặc điểm di truyền hay bệnh tật v.v. Thời gian trong tiểu thuyết chủ nghĩa tự nhiên là thời gian âm đạm, u tối, và con người ngày càng trở nên tha hóa. Không gian trong tiểu thuyết chủ nghĩa tự nhiên thường là không gian thuộc về phạm vi chịu tác động của sinh lý, hay nói các khác là một xã hội khép kín, môi trường xúc tác dục vọng như quán rượu, ổ mại dâm v.v. Trọng tâm của tiểu thuyết chủ nghĩa tự nhiên chính là sự quan sát quá trình tha hóa của con người, từ con người lương thiện, hiền lành biến chất trở thành con người tha hóa cả về thể xác và tâm hồn và mức độ tha hóa này tăng dần theo mức độ nghiệt ngã của hoàn cảnh. Kết truyện của tiểu thuyết chủ nghĩa tự nhiên đa phần là bi kịch, không có sự hồi sinh, nhân vật bị giam cầm trong vô vàn xiềng xích về tâm lý, dẫn đến không có lối thoát và ngày càng rơi vào vô vọng, đến tuyệt vọng. Đây cũng chính là cơ sở để các nhà văn chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa lên tiếng phê phán chủ nghĩa tự nhiên như một hiện tượng văn học tiêu cực và xa lạ với nghệ thuật chân chính [2].

### 3. Vài nét về bối cảnh văn học Việt Nam và Hàn Quốc đầu thế kỷ XX

Có thể nói cội nguồn sâu xa cho mọi nét tương đồng văn hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc là số phận thuộc địa và sự bước vào thời

kỳ hiện đại trong hoàn cảnh thuộc địa nghèo nàn đầu thế kỷ XX. Quá trình hiện đại hóa ấy đã diễn ra một cách thụ động, cưỡng ép, lệch lạc và để lại nhiều hệ quả cho cả hai dân tộc. Sự áp đặt về giáo dục, ngôn luận, sự khống chế về nhận thức, tư tưởng, chính sách đồng hóa dân tộc thuộc địa đã tạo ra một nền văn hóa “mô phỏng”, “phục tùng” và diễn ra theo kịch bản của nước chủ thuộc địa. Mặt khác, nó cũng làm nảy nở nhu cầu sáng tạo nhằm chống lại sự áp đặt, chi phối, để duy trì bản sắc của dân tộc. Nhu cầu ấy đã sản sinh ra một nền văn hóa độc đáo, khẳng định tinh thần độc lập tự chủ và ý thức chủ quyền dân tộc sâu sắc. Sáng tạo dựa trên tiếp thu ảnh hưởng một cách có chọn lọc văn hóa của nước chủ thuộc địa chính là nét đặc trưng tiêu biểu của hai nền văn hóa Việt Nam và Hàn Quốc trong buổi giao thời ấy.

Quá trình hình thành của hai nền văn học hiện đại Hàn Quốc và Việt Nam là một sự vận động mạnh mẽ trong điều kiện ảnh hưởng của văn học phương Tây. Vào những năm đầu thế kỷ, sáng tác tiểu thuyết là phương thức kiếm sống, đồng thời là con đường chân chính nhất cho những nhà văn trẻ muốn khẳng định bản thân. Trường hợp của Hàn Quốc, ngay trước và sau Phong trào mừng 1 tháng 3<sup>1</sup>, sự xuất hiện

<sup>1</sup> Phong trào yêu nước diễn ra vào ngày 1 tháng 3 năm 1919 phản đối ách thống trị của Nhật Bản, với hình thức là một cuộc biểu tình rộng lớn tại Seoul, quy tụ đông đảo nhiều tầng lớp trong xã hội (thị dân, học sinh, sinh viên, tín đồ các tôn giáo v.v.) cùng xuống đường hô vang khẩu hiệu đòi độc lập, vẫy cờ Thái Cực. Phong trào tuy thất bại vì bị Nhật Bản đàn áp, song lại có ý nghĩa vô cùng to lớn trong lịch sử hiện đại Hàn Quốc bởi phong trào đã xác nhận độc lập tự chủ trên toàn lãnh thổ với Bản tuyên ngôn độc lập, mở màn cho hàng loạt phong trào độc lập trong và ngoài nước được triển khai đa dạng sau đó, đồng thời hun đúc tinh thần dân tộc chống lại ách thống trị của Nhật Bản, đề rọi tinh thần đó được phát huy cao độ vào năm 1945, đánh đuổi hoàn toàn phát xít Nhật ra khỏi bán đảo Hàn.

của báo và tạp chí, những phương tiện thông tin đại chúng mới đã thu hút sự quan tâm đông đảo của xã hội. Thông qua báo chí, các hoạt động văn học nghệ thuật đã được giới thiệu và quảng bá rộng rãi, thúc đẩy hoạt động sáng tác của các nhà văn. Những tờ nhật báo như “Đông Á nhật báo”, “Triều Tiên nhật báo” hay các tạp chí như “Thiếu niên” (1908), “Thanh xuân” (1914), đặc biệt là tạp chí “Học chi quang” (1914) của các lưu học sinh Triều Tiên tại Nhật Bản v.v. đã đảm đương vai trò cầu nối với độc giả, tạo nên nền tảng vững chắc cho các hoạt động sáng tác văn học. “Thái Tây văn nghệ tân báo” (1918) là tờ báo tập trung chủ yếu vào lĩnh vực văn học nghệ thuật, biên dịch và đăng tải các tác phẩm dịch thuật văn học phương Tây cũng như giới thiệu hàng loạt các khuynh hướng văn học của phương Tây. Sau phong trào mừng 1 tháng 3, những trí thức trẻ được đào tạo văn học một cách bài bản ở Nhật Bản đã xây dựng một bộ phận mới cho các hoạt động văn học trong nước. Các tạp chí “Sáng tạo” (1919), “Tàn dư” (1920), “Chim trắng” (1922) v.v. ra đời, thúc đẩy hoạt động sáng tác văn học và xuất bản báo chí trong nước một cách mạnh mẽ. Ngay cả trong hoàn cảnh thuộc địa, hoạt động văn học mang tính sáng tạo vẫn diễn ra một cách liên tục, đời sống và tâm tư của những người dân thuộc địa vẫn được phản ánh dưới hình thức văn bản nghệ thuật bằng chữ viết Hangeul của dân tộc. Kết quả là một nền văn học hiện đại Hàn Quốc đã ra đời. Văn học hiện đại Hàn Quốc được hình thành và phát triển trong sự tiếp nhận ảnh hưởng của các hình thức văn học phương Tây thông qua Nhật Bản, song, bởi nền tảng của nó là chữ quốc ngữ (chữ Hangeul) nên nó là nền văn học vừa mang đậm những nét truyền thống, nhưng cũng lại thể hiện rõ tinh

thần sáng tạo về hình thức hay các giá trị mỹ học [3]. Đồng thời, cũng cần phải lưu ý một điểm nữa khi xem xét, nghiên cứu về văn học hiện đại Hàn Quốc, đó là quá trình hiện đại hóa của văn học Hàn Quốc đầu thế kỷ là một quá trình tiếp thu ảnh hưởng văn học phương Tây không phải trực tiếp từ “nguồn phát” mà là một cách gián tiếp thông qua nước trung gian là Nhật Bản. Đây chính là nét độc đáo, đồng thời, cũng là yếu tố cơ bản cần xem xét khi đối chiếu văn học Hàn Quốc với các nền văn học khác.

Tương tự như Hàn Quốc, con đường hiện đại hóa văn học của Việt Nam cũng diễn ra trong điều kiện thuộc địa. Điểm khác là Việt Nam tiếp nhận một cách trực tiếp ảnh hưởng của văn hóa, văn học Pháp, một đế chế giữ vai trò trung tâm văn hóa của phương Tây thời bấy giờ chứ không thông qua một ngôn ngữ trung gian nào khác (như trường hợp của Hàn Quốc là tiếng Nhật). Văn học hiện đại Việt Nam ra đời vào cuối thế kỷ 19 trước ảnh hưởng mạnh mẽ của làn sóng văn hóa phương Tây. Trong đó, việc bãi bỏ chế độ khoa cử truyền thống (1915), chính sách phổ cập chữ quốc ngữ của chính quyền thực dân đã mở đường cho sự xuất hiện và nở rộ của báo chí chữ quốc ngữ và các hoạt động xuất bản. Dưới chế độ thuộc địa, hàng loạt các tờ báo đã ra đời như Nam Phong Tạp chí (1917), Đông Dương tạp chí, Trung Bắc tân văn (1919) v.v., đồng thời, nhà xuất bản tư tưởng Phương Tây đã được thành lập. Nam Phong tạp chí và Đông Dương tạp chí là hai tờ báo chuyên biên dịch và giới thiệu rộng rãi các tác phẩm của các nhà văn nổi tiếng như Corneille, Molière, Chateaubriand, Lamartine, Hugo, Balzac, Rousseau, Voltaire, Montesquieu v.v. Văn học Pháp đã được tìm đọc rộng rãi và trở thành món ăn tinh thần của đại đa số trí thức trẻ thời bấy giờ. Có thể nói, văn học Pháp đã

góp phần không nhỏ vào công cuộc hiện đại hóa của nền văn học Việt Nam.

Chủ nghĩa tự nhiên là một trong số những trào lưu văn học để lại dấu ấn đối với hai nền văn học hiện đại hình thành trong hoàn cảnh thuộc địa ấy. Mặc dù chủ nghĩa tự nhiên không được các nhà văn thuộc địa hưởng ứng nhiệt liệt, song không thể phủ nhận vai trò của nó trong các sáng tác thuở ban đầu của các nhà văn. Ở Hàn Quốc, chủ nghĩa tự nhiên được du nhập thông qua Nhật Bản vào khoảng cuối những năm 1910. Tác phẩm “Nỗi buồn của kẻ yếu đuối” của Kim Dong In đăng trên số đầu tiên của tạp chí “Sáng tạo” được coi là tác phẩm đầu tiên của khuynh hướng này ở Hàn Quốc [4]. Còn ở Việt Nam, cho đến nay, dấu ấn của chủ nghĩa tự nhiên được xác định là khá nhạt nhòa, trong đó, chỉ có nhà văn Vũ Trọng Phụng với các tác phẩm “Làm đĩ”, “Kỹ nghệ lấy Tây”, “Com thầy com cô” được nhắc đến khi bàn về ảnh hưởng của chủ nghĩa tự nhiên. Bài viết đi vào tìm hiểu dấu ấn của chủ nghĩa tự nhiên trong hai tác phẩm “Gamja” của Kim Dong In và “Làm đĩ” của Vũ Trọng Phụng dưới góc nhìn đối chiếu, qua đó chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt của hai nhà văn cùng được coi là chịu ảnh hưởng của trào lưu văn học chủ nghĩa tự nhiên này.

#### 4. Dấu ấn của chủ nghĩa tự nhiên qua tác phẩm “Làm đĩ” của Vũ Trọng Phụng và “Gamja” của Kim Dong In

“Gamja” [5] là một trong những tiểu thuyết quan trọng của Kim Dong In và cũng là một trong những tiểu thuyết tiêu biểu của khuynh hướng tự nhiên chủ nghĩa trong văn học Hàn Quốc đầu thế kỷ XX. Đây là tác phẩm không chỉ cho chúng ta biết về tác giả của nó mà còn

hé mở nhiều vấn đề của văn học Hàn Quốc đầu thế kỷ XX. Đó là sự tiếp xúc với văn học thế giới của nhà văn Hàn Quốc, sự sáng tạo mang màu sắc dân tộc của những sáng tác trong quá trình hiện đại hóa và phương Tây hóa v.v.

“Gamja” xoay quanh cuộc đời của nhân vật nữ chính có tên là Boknyeo. Boknyeo vốn xuất thân từ một gia đình nông dân lương thiện, tuy nghèo nhưng lại rất có nề nếp ở trong thành. Chính vì vậy, từ sớm, Boknyeo luôn có ý thức giữ gìn phẩm hạnh, trinh tiết của người phụ nữ. Năm Boknyeo mười lăm tuổi, nàng được cha mẹ gả bán cho một người đàn ông góa vợ trong làng. Chồng của Boknyeo tuy xuất thân từ nông dân nhưng lại vô cùng lười biếng. Tài sản cuối cùng là 80 won tiền treo để cưới được nàng. Bởi vậy, sau khi kết hôn, cuộc sống của hai vợ chồng Boknyeo nhanh chóng rơi vào khốn khó đến mức hai phải di cư ra xóm ngoài thành Chilseong, nơi tụ tập dân nghèo chuyên sống bằng nghề ăn xin, trộm cướp và mại dâm. Kể từ đó Boknyeo bắt đầu dần thân vào con đường ăn xin, nhưng vì còn quá trẻ, lại có chút nhan sắc nên đã chẳng có ai cho nàng, song, nàng vẫn nhất định không chịu làm cái việc giống như những người phụ nữ trong xóm đang làm đó là bán thân để kiếm tiền. Bởi vậy, cái nghèo đói cứ luôn đeo bám dai dẳng hai vợ chồng Boknyeo. Cho đến một hôm, trong lần đi làm thuê bắt sâu róm ăn thông, Boknyeo phát hiện ra cách kiếm tiền của những người phụ nữ không làm việc mà chỉ đến đó để đùa giỡn và được hưởng tiền công cao. Và rồi Boknyeo cũng đã lọt vào mắt của tay quản lý. Kể từ đó, Boknyeo trở thành “lao công không cần làm việc cũng được hưởng lương cao”. Nhưng quan trọng hơn, đó là quan niệm về đức hạnh và trinh tiết của người phụ nữ của Boknyeo đã thay đổi. Nàng trở nên thích thú với “cảm giác căng thẳng thú vị và (cái việc) còn hơn là đi ăn xin”

ấy và bắt đầu bôi phấn tô son, vui vẻ hài lòng với công việc mới... Thế rồi, vào một đêm mùa thu, trong lần đi ăn trộm khoai tây ở cánh đồng của người Trung Quốc, Boknyeo đã bị chủ cánh đồng là họ Wang ôm chặt từ phía sau. Kể từ đó, nàng trở thành vợ hờ của họ Wang. Đến mùa xuân năm sau, họ Wang lại mua ở đâu đó về một cô vợ trẻ khiến Boknyeo không cảm được máu ghen. Đêm tân hôn của họ Wang, Boknyeo tìm đến tận căn buồng của hai vợ chồng trẻ. Trong lúc ấu đã với họ Wang, Boknyeo đã bị hấn dành lại cái liềm trên tay và bị cửa cổ chết tại chỗ. Họ Wang đưa tiền cho chồng Boknyeo và thầy lang để thầy lang kết luận rằng Boknyeo bị xuất huyết não chết.

Sau đây là nội dung của “Làm đĩ” [6]. “Làm đĩ” là câu chuyện về cuộc đời đầy thăng trầm của Huyền, một cô gái xinh đẹp, có học, tử tế, được sinh ra trong gia đình có cha làm việc cho Tây nhưng lại vô cùng hủ bại. Từ nhỏ, mỗi lần thắc mắc về những vấn đề giới tính, Huyền đều bị người lớn lảng tránh và nạt nộ. Sự tò mò ấy đã thổi bùng khát khao của người thiếu nữ khi Huyền bước vào độ tuổi dậy thì. Kết quả là Huyền đã ngã vào vòng tay Lưu - một người anh họ xa đang trọ học tại nhà - trong cái đêm mất ngủ vì âm thanh “sự thị uy của ái tình” giữa cha và vợ bé chỉ cách giường cô có một bức vách. Mỗi tình đầu vụng dại ấy đã kết thúc đầy bi thảm. Lưu tự tử chết, Huyền bị ép gả cho Kim, một viên tham tán mà nàng chưa hề biết mặt. Kim bị mắc bệnh giang mai do thói ăn chơi sa đọa của giới thượng lưu nên chỉ có thể quấy rầy vợ một cách “nửa đời nửa đoạn”. Sau đó, vì tiền, Kim đã đem Huyền ra làm mồi nhử bạn mình là Tân, một kẻ đào hoa, giàu có. Từ chỗ e ngại, Huyền và Tân đã trở thành một đôi “gian phu dâm phụ” lúc nào không hay. Sự việc vỡ lở, Kim bắt Huyền viết giấy nhận tội và chịu phạt con sen con ở trong nhà. Trong lúc tuyệt

vọng, Huyền tìm đến Tân nhưng cái nàng nhận được lại chỉ là thái độ nhờn nhờ của kẻ coi mục đích của ái tình không phải là hôn sự và hai chiếc nhẫn kim cương. Phẫn uất trước thái độ bạc bẽo của Tân, Huyền đã ném hai cái nhẫn vào mặt hấn và bỏ chạy. Sau đó, Tân bỏ đi phương khác, khiến nàng theo mà không gặp. Rồi một lần tình cờ thấy được hình ảnh vui vẻ, phong lưu của Tân với vai trò giám khảo trong cuộc thi sắc đẹp ở Sài thành đăng trên báo, Huyền đã bỏ nhà vào tìm Tân quyết giết chết kẻ phụ tình. Nhưng rồi, nàng đi hết nơi này đến nơi nọ cũng chẳng tìm được Tân, đã vậy, tiền hết, lại một thân một mình nơi xứ người, Huyền phải hiến thân cho khách làng chơi để sống qua ngày, và kể từ đó nàng bắt đầu cuộc đời trụy lạc.

Xét về cấu trúc tác phẩm, “Gamja” và “Làm đĩ” đều là hai câu chuyện kể về quá trình tha hóa của một con người. Cả Kim Dong In và Vũ Trọng Phụng đều dùng cách tiếp cận sinh lý học đối với con người, cụ thể ở đây là tâm sinh lý của hai nhân vật nữ, hơn là miêu tả hoàn cảnh nghiệt ngã dẫn đến sự tha hóa của họ. Trong “Gamja”, cái nghèo là nguyên nhân xô đẩy Boknyeo thay đổi quan niệm về đức hạnh, biến nàng trở nên hào hứng với công việc bán thân và đích đến của “lòng tham” ấy được miêu tả không phải là sự thoát nghèo (tiền bạc) mà là chính dục vọng của nàng. Nhận thức của nhân vật về hành vi bán mình không phải chỉ là phương cách giúp họ thoát khỏi tình trạng cùng quẫn. Hành vi bán mình đã tác động một cách sâu sắc tới đời sống tâm lý của nhân vật, khiến cho họ có cảm giác như được “lột xác” trở thành con người được thỏa mãn nhu cầu sinh lý của bản thân. So với Kim Dong In, Vũ Trọng Phụng đã dành nhiều trang viết xoáy sâu vào việc quan sát, miêu tả trạng thái “thức tỉnh” của bản năng ấy. Từ một cô gái hồ thẹn vì trót lỡ đánh mất chữ trinh trước khi cưới, thậm chí còn

quyết sống mái với tân lang và bỏ mẹ mình bằng phơi bày cái sự mất tâm trước khi cưới đó với người chồng và bỏ mẹ mình để trả thù cho sự “ép cưới” và giữ trọn tình yêu với mối tình đầu, Huyền đã dần dần thay đổi. Nàng trở nên thích nghi và chấp nhận với điều luôn khiến nàng dằn vặt và cảm thấy có lỗi với chồng. Từ địa vị là kẻ tội đồ với chồng, nàng trở nên tự do, phóng túng và chủ động, nhanh chóng bước vào con đường ngoại tình để thỏa mãn những cảm xúc bị dồn nén từ những ngày dấy thì, đánh thức bản năng vốn đã bị ngủ quên.

Bản năng được đánh thức cũng là lúc hai nhân vật bị rơi vào trạng thái bị bản năng chế ngự hoàn toàn và đỉnh điểm của sự đau khổ gắn liền với khao khát tính dục ấy là hành vi muốn tước đoạt sự sống của “những kẻ phản bội”. Boknyeo đã vác liềm đến nhà họ Wang ngay trong đêm tân hôn của hắn. Còn Huyền thì mặc dù đã bỏ chạy khi phát hiện ra bộ mặt thật của gã tình nhân nhưng sau đó nàng lại không thể chịu được cảnh hắn ung dung tự tại trên báo nên đã bỏ nhà đi tìm để quyết giết chết kẻ phụ tình. Nhưng rồi, cả hai nhân vật đều không có được cái kết có hậu như bao tác phẩm chủ nghĩa tự nhiên khác. Đến bước đường cùng của “giếng sâu” tha hóa, một người bị mất mạng bởi chính tay kẻ đã phụ mình, còn một người lại chính thức sa vào con đường bán phần buôn hương, vĩnh viễn không thể trở thành người lương thiện được nữa. Kết cục u ám của hai nhân vật chính cho thấy thái độ “tả chân” của hai nhà văn. Kim Dong In đã sắp đặt số phận của Boknyeo bằng con mắt lạnh lùng, bẽ tắc và vô vọng. Trong khi đó, Vũ Trọng Phụng lại thấp nên một niềm hi vọng từ cuộc sống u ám ấy. Huyền đã chôn vùi thân xác ở chốn ô nhục nhưng cô không tuyệt vọng. Huyền bình thản ghi chép lại cuộc đời mình với hy vọng “đem công bố cái mảnh đời tai hại ấy cho thiên hạ”

để giúp người đời hiểu vì sao cô “đương ở chốn yên lành mà vào nơi chông gai”, để “cái đời bỏ đi của Huyền cũng không đến nỗi là bỏ đi đời với đàn bà con gái khác”. Nghĩa là Huyền nhận thức được “bi kịch” của cuộc đời nàng và tạo ra lối thoát cho mình bằng mong muốn làm một việc gì đó có ý nghĩa cho đời. Đây chính là điểm khác biệt thú vị của hai nhà văn. Một người trung thành với chủ nghĩa tự nhiên, quyết để nhân vật rơi vào đáy thảm kịch để lột tả một cách chân thực nhất bức tranh u tối của hiện tại, còn một người lại muốn đưa cuộc đời của nhân vật ra ngoài ánh sáng như một tấm gương để giáo huấn, để kêu gọi sự cảm thông cho bản năng của con người trong xã hội nhốn nháo và hỗn loạn ấy. Điểm này cũng cho thấy sự tiếp cận một cách linh hoạt chủ nghĩa tự nhiên của nhà văn Việt Nam.

Điểm khác biệt trong cách bản địa hóa yếu tố văn học nước ngoài trên có thể được lý giải dựa vào hoàn cảnh sống của hai nhà văn. Kim Dong In lên đường sang Nhật Bản du học vào năm mười lăm tuổi (1914), vào thời kỳ những cảm xúc dấy thì diễn ra một cách phong phú nhất. Mặt khác, đó cũng chính là giai đoạn đỉnh cao của chủ nghĩa tự nhiên trong văn học Nhật Bản với hàng loạt các tác giả như Kosugi Tengai (1865 - 1952), Kunikida Doppo (1871 - 1908), Shimamura Hogetsu (1871 - 1918), Shimazaki Toson (1872 - 1943), Masamune Hakucho (1879 - 1962) v.v. [7]. Trong khi đó, Vũ Trọng Phụng lại sớm phải kết thúc con đường học hành ở bậc tiểu học bởi hoàn cảnh gia đình nghèo khó nên sự tiếp thu trau dồi ngôn ngữ, văn học và tư tưởng văn hóa phương Tây của ông chủ yếu được thực hiện thông qua con đường tự học. Bởi vậy, có thể nhận định rằng dấu ấn của chủ nghĩa tự nhiên trong văn học của Vũ Trọng Phụng đã trở nên nhạt nhòa hơn so với Kim Dong In.

Song, khi chỉ ra sự khác biệt này, không thể không xem xét tới sự du nhập của chủ nghĩa tự nhiên vào hai nước. Có thể nói, quá trình hiện đại hóa nền văn học của Việt Nam và Hàn Quốc đều được bắt đầu trong hoàn cảnh cả hai không thể đóng cửa trước sức mạnh bão táp của những vị khách không mời mà đến. Sự tiếp nhận ảnh hưởng của chủ nghĩa tự nhiên nói riêng và văn học phương Tây nói chung đều xảy ra ở mỗi nước, trong đó, một bên là trực tiếp (trường hợp Việt Nam) và một bên là khúc xạ qua lăng kính Nhật Bản (trường hợp Hàn Quốc). Trường hợp của Hàn Quốc, hình thức văn học tả chân đã lộ rõ khuynh hướng từ rất sớm. Cội nguồn của hình thức tả chân trong văn học hiện đại Hàn Quốc được tìm thấy trong văn học cổ. Đó là khuynh hướng chủ nghĩa hiện thực mang tính trào phúng trong các tác phẩm của phái Thực học hay của Park Ji Won như “Yangban jeon”(Truyện lương ban), “Hojil”(Hồ sát) v.v. vào cuối thời Joseon. Hình thức tả chân này chính thức nở rộ sau Cải cách Giáp Ngọ (1894) với Sinsoseol (tiểu thuyết mới) hay các tác phẩm văn học “khai môn”(khai sáng, làm cho thoát khỏi sự mờ mịt) của Lee Gwang Su hay Choi Nam Seon. Sau đó, nó lại tiếp nhận một cách chính thức hai trào lưu chủ đạo của văn học đó là chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa tự nhiên từ Nhật Bản (lúc này đang đạt tới đỉnh cao của nó), tạo nên trường phái chủ nghĩa hiện thực mang màu sắc Hàn Quốc với các tác phẩm “Nỗi buồn của kẻ yếu đuối”(1919) của Kim Dong In v.v. Trong khi đó, ở Việt Nam, cho đến tận đầu thế kỷ XX, Hán học vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa, tinh thần. Mãi tới đầu thập niên 30 của thế kỷ XX, hình thức văn học tả chân mới nổi lên mạnh mẽ với dòng văn học hiện thực (gồm các tác giả tiêu biểu như Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Nguyên Hồng, Nguyễn Công Hoan, Ngô Tất Tố v.v.). Như vậy, ở đây đã diễn ra một sự

so le về thời điểm tiếp thu chủ nghĩa tự nhiên. Nếu như văn học tả chân Hàn Quốc xuất hiện ngay sau khi chủ nghĩa tự nhiên phương Tây đạt tới đỉnh cao của nó, thì ở Việt Nam, thời điểm hình thức văn học này lại khẳng định được chỗ đứng vững vàng là lúc trường phái tự nhiên đã đi qua thời hoàng kim của nó được một thời gian dài và chịu không ít lời phản bác. Do vậy, có thể thấy rằng hình thức tiểu thuyết tự nhiên chủ nghĩa đều được tìm thấy trong văn học Hàn Quốc và Việt Nam, song lại không có sự “sao y bản chính” với phương Tây. Hơn nữa, trong tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, thái độ chủ quan của tác giả rất rõ nét, đó chính là sự cười nhạo cho những luân lý giả tạo của người đời. Miêu tả tâm sinh lý của nhân vật nữ chính, nhưng đồng thời, cũng là sự phê phán, giáo huấn, răn dạy xã hội “nửa mùa”. Chính vì vậy, không thể lấy quy chuẩn của chủ nghĩa tự nhiên phương Tây để xem xét các tác phẩm của các nhà văn thuộc địa, cũng như chỉ có thể nhận định rằng ở cả hai nhà văn này đã có sự vận dụng linh hoạt một số yếu tố mang màu sắc tự nhiên chủ nghĩa.

## 5. Kết luận

Bài viết bước đầu tìm hiểu ảnh hưởng của trào lưu văn học chủ nghĩa tự nhiên trong tác phẩm của hai nhà văn thuộc địa Hàn Quốc và Việt Nam là Kim Dong In và Vũ Trọng Phụng. Có thể nói, yếu tố điển hình nhất của chủ nghĩa tự nhiên được tìm thấy chính là sự quan sát, mô tả quá trình tha hóa của nhân vật bằng con mắt lãnh đạm khoa học và cách tiếp cận sinh lý học đối với nhân vật của hai tác giả. Đây cũng chính là nét mới về phong cách của hai nhà văn trong buổi đầu xây dựng nền văn học hiện đại của hai dân tộc. Bên cạnh những nét tương



đồng trong sự tiếp nhận chủ nghĩa tự nhiên thì sự so le về thời điểm tiếp nhận văn học phương Tây của hai nước hay hoàn cảnh sống của hai nhà văn đã tạo ra những dấu ấn khác biệt ở tác phẩm của họ. Nghiên cứu mới chỉ dừng lại ở bước đầu khảo sát ảnh hưởng của văn học phương Tây đối với tiểu thuyết Hàn Quốc và Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XX dưới góc nhìn so sánh. Hy vọng trong tương lai sẽ có cơ hội đào sâu, tìm hiểu hơn nữa dấu ấn ảnh hưởng của các trào lưu văn học phương Tây khác trong nền văn học hiện đại Việt Nam và Hàn Quốc.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Từ điển văn học, Nhà xuất bản Thế giới, 2005.
- [2] 강인숙, 자연주의문학론 I, II, 고려원, 1991.
- [3] 권영민, 한국현대문학사 1, 민음사, 2004.
- [4] 강인숙, 김동인 작가의 생애와 문학, 건국대학교출판부, 1999.
- [5] 김동인, 감자 (김동인 단편선), 문학과지성사, 2008.
- [6] Vũ Trọng Phụng, Làm đĩ, NXB Văn học, 2006.
- [7] Nguyễn Hữu Hiếu, Từ tiểu thuyết "Gia đình" của Shimazaki Toson suy nghĩ về khuynh hướng tự nhiên chủ nghĩa trong văn học Nhật Bản và Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu văn học, số 2.2012.

## Naturalism Expressed in Vietnam and Korea's Novels in the Early 20<sup>th</sup> Century (through "Làm đĩ" by Vũ Trọng Phụng and "Gamja" by Kim Dong In)

Nguyễn Lê Thu

*VNU University of Languages and International Studies  
Phạm Văn Đồng street, Cầu Giấy, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** The modernization process of Vietnamese and Korean literature happened in the colonial context, aiming essentially at the creative activities to protect and maintain the national identity as well as national liberation. In this process, the absorption of the naturalism impact in particular and Western literature's impact in general occurred in each country in the different ways, either directly (the case of Vietnam's) or indirectly via the Japan's literature (the case of Korea's). This study is carried out to find the naturalism influences expressed in the Vietnamese and Korean literature through the typical novels by two writers: Kim Dong In and Vu Trong Phung. The study also shows alternative applications of the Western naturalism used creatively by the two colonial writers.

**Keywords:** Naturalism, literature in the early modern period, novels in the early 20th century, Vũ Trọng Phụng, Kim Dong In.